

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Lực cản trong gap giảm tiếp tục khiến VN-Index mất hơn 5 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,296.29 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng, được dẫn dắt bởi cổ phiếu VHM. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường sẽ tiếp tục tìm điểm cân bằng trong vùng 1,270 – 1,315.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.10** điểm, đóng cửa tại **1296.29** điểm. HNX-Index **-1.45** điểm, đóng cửa tại **217.24** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.41)**, **VHM (+0.78)**, **GEE (+0.49)**, **VPB (+0.28)**, **KBC (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-1.14)**, **VCB (-0.96)**, **FPT (-0.93)**, **LPB (-0.87)**, **BID (-0.64)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,711** tỷ đồng, tăng **2.18%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,475 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.54 điểm. Thị trường có **110** mã tăng, 42 mã tham chiếu, **216** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-496.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-937.95 tỷ)**, **GEX (-125.81 tỷ)**, **MSN (-115.01 tỷ)**, **DXG (-62.37 tỷ)**, **VRE (-42.58 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **20.05** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.74%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+3.48%)
VHM (+1.38%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+1.21%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.79%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+7.00%)
DPG (+1.64%)
DIG (+1.59%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.74%	-0.79%	-0.39%	-0.34%
1 tuần	1.85%	0.77%	1.02%	0.56%
1 tháng	7.86%	7.20%	6.33%	5.63%
3 tháng	10.77%	-1.87%	1.42%	3.17%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,296.29	217.24	95.71
% 1D	-0.39%	-0.66%	0.22%
GTKL (tỷ VND)	19,711	931	508
%1D	2.18%	-19.78%	-19.47%
GDNN (tỷ VND)	-496.59	20.05	1.49

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	173.89	VHM	-937.95
MBB	148.43	GEX	-125.81
CTG	83.77	MSN	-115.01
FUEVFNVD	73.26	DXG	-62.37
KBC	70.39	VRE	-42.58

Thị trường thế giới

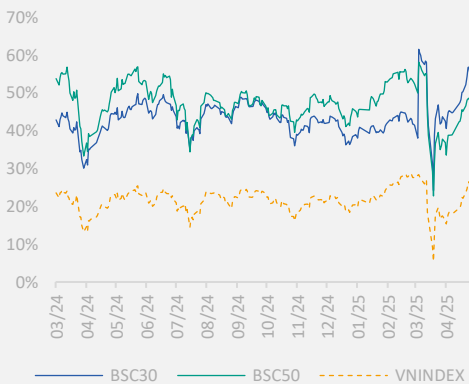
		%D	%W
SPX	5,958	0.70%	5.27%
FTSE100	8,639	-0.52%	0.40%
Eurostoxx	5,393	-0.29%	0.24%
Shanghai	3,368	0.00%	-0.05%
Nikkei	37,499	-0.68%	-0.45%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.95	-0.70%
Giá vàng	3,244	1.79%
Tỷ giá		
USD/VND	26,130	0.08%
EUR/VND	29,818	-0.10%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.03%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

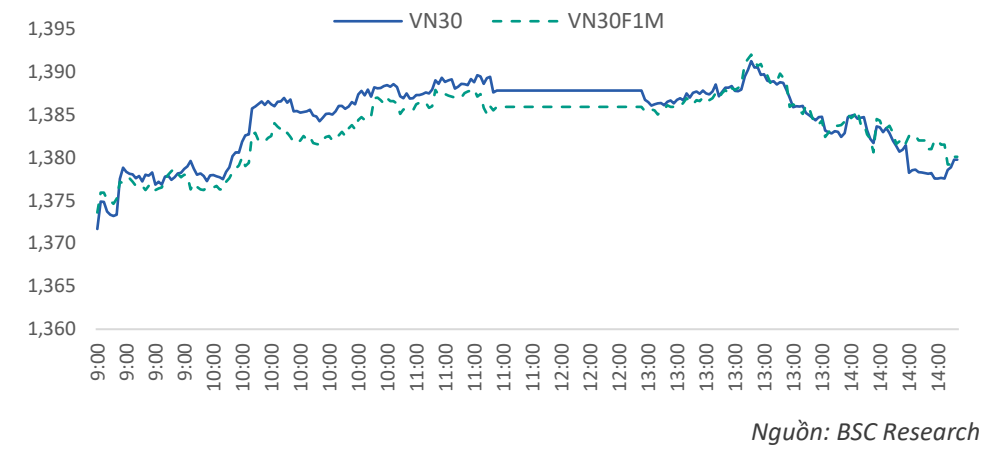
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1380.70	-0.26%	131	40.9%	9/18/2025	122
VN30F2512	1380.10	-0.36%	47	-45.3%	12/18/2025	213
41I1F7000	1379.20	-0.48%	1,352	-44.7%	7/17/2025	59
VN30F2506	1380.10	-0.30%	191,035	-2.5%	6/19/2025	31

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -4.69 điểm, đóng cửa tại 1379.75 điểm. Biên độ dao động 20.19 điểm. Các cổ phiếu như FPT, LPB, STB, VJC, HPG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán đẩy VN30 xuống dưới mốc tham chiếu sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,384-1,387 điểm. Thị trường đang trong nhịp điều chỉnh kỹ thuật sau những phiên tăng trước đó, xu hướng phục hồi vẫn được duy trì nếu kiểm định thành công các vùng hỗ trợ quan trọng. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2509. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2412	6/30/2025	42	719,300	-86.94%	2.28	50	66.7%	7.97	2.38	18.20	18.20
CVPB2505	6/30/2025	42	43,500	-86.59%	2.10	340	61.9%	16.12	2.44	18.20	18.20
CTCB2505	6/30/2025	42	57,100	-72.41%	2.64	2,750	36.8%	13.44	8.14	29.50	29.50
CVIC2508	12/19/2025	214	92,700	-57.24%	6.10	6,100	22.0%	15.93	36.60	85.60	85.60
CVIC2504	7/21/2025	63	46,400	-56.26%	5.44	6,400	21.2%	16.04	37.44	85.60	85.60
CVIC2505	9/19/2025	123	121,500	-55.48%	5.56	6,510	20.8%	16.03	38.11	85.60	85.60
CVPB2407	7/28/2025	70	4,524,000	-85.82%	2.10	120	20.0%	4.04	2.58	18.20	18.20
CVIC2506	10/20/2025	154	8,700	-57.74%	5.78	6,080	17.4%	15.99	36.18	85.60	85.60
CVIC2507	11/19/2025	184	224,900	-57.61%	5.89	6,080	17.1%	15.97	36.29	85.60	85.60
CVIC2407	6/30/2025	42	64,800	-52.16%	4.90	7,210	16.9%	16.15	40.95	85.60	85.60
CTCB2406	6/30/2025	42	42,300	-79.50%	2.80	650	16.1%	5.34	6.05	29.50	29.50
CVPB2507	7/21/2025	63	5,100	-82.16%	2.07	590	15.7%	8.09	3.25	18.20	18.20
CVIC2502	10/27/2025	161	159,500	-44.63%	4.50	8,580	15.0%	16.24	47.40	85.60	85.60
CVIC2503	6/30/2025	42	6,700	-44.38%	4.26	14,450	14.4%	27.12	47.61	85.60	85.60
CVRE2507	9/19/2025	123	130,300	-67.40%	1.99	1,520	14.3%	5.70	8.07	24.75	24.75
CVIC2405	7/28/2025	70	31,400	-44.28%	4.30	10,850	13.7%	20.33	47.70	85.60	85.60
CVIC2501	5/26/2025	7	900	-42.11%	4.00	9,110	12.6%	16.32	49.55	85.60	85.60
CVPB2502	3/26/2026	311	892,200	-75.16%	2.10	1,210	11.0%	8.45	4.52	18.20	18.20
CVIB2407	11/4/2025	169	85,700	-73.33%	1.80	1,500	10.3%	8.12	4.80	18.00	18.00
CMSN2501	6/26/2025	38	138,700	-86.97%	7.20	110	10.0%	6.85	8.08	62.00	62.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 19/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2412 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CTCB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.02%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2503, CVIC2502, CVIC2407 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	85.60	7.00%	9.64
VHM	58.80	1.38%	1.17
VPB	18.20	0.83%	0.37
VRE	24.75	1.02%	0.34
TCB	29.50	0.17%	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	118.20	-2.31%	-3.08
LPB	32.70	-3.82%	-2.20
STB	39.00	-2.01%	-0.92
VJC	88.00	-2.22%	-0.85
HPG	25.65	-0.58%	-0.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	85.60	7.00%	5.41	3.88
VHM	58.80	1.38%	0.78	4.11
GEE	99.80	6.97%	0.49	0.31
VPB	18.20	0.83%	0.28	7.93
KBC	26.75	3.48%	0.17	0.77

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VFS	23.40	6.36%	0.11	0.12
NFC	50.60	10.00%	0.05	0.02
THD	28.30	0.71%	0.05	0.38
NTP	72.80	0.69%	0.05	0.14
DNC	75.90	10.00%	0.04	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	7.49	7.00%	0.01	0.01
VIC	85.60	7.00%	5.33	9.15
GEE	99.80	6.97%	0.59	2.02
TCD	2.34	6.85%	0.01	2.49
SPM	11.75	6.82%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAP	10.10	9.78%	0.08	0.00
PEN	7.90	9.72%	0.01	0.00
PRC	23.90	9.63%	0.03	0.01
BXH	13.80	9.52%	0.01	0.00
VMS	23.20	9.43%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	98.20	-2.77%	-1.14	1.79
VCB	57.00	-0.87%	-0.96	8.36
FPT	118.20	-2.31%	-0.93	1.47
LPB	32.70	-3.82%	-0.87	2.99
BID	36.20	-1.09%	-0.64	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	159.00	-6.47%	-1.31	0.20
IDC	41.00	-2.38%	-0.21	0.33
DNP	19.10	-8.61%	-0.15	0.14
NVB	10.90	-1.80%	-0.15	1.17
PVS	27.10	-1.45%	-0.12	0.48

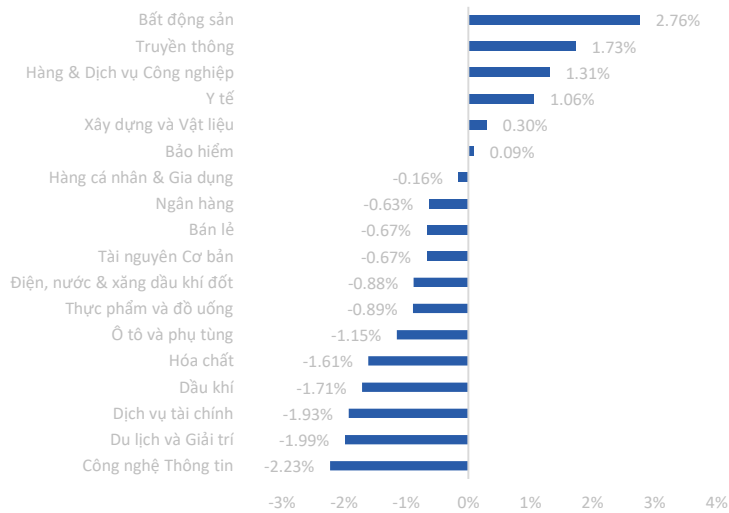
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LM8	12.10	-6.92%	0.00	0.00
TDH	5.11	-6.92%	-0.01	0.83
FUEIP100	8.83	-6.86%	0.00	0.00
SRC	24.80	-6.77%	-0.01	0.00
VSI	19.05	-4.75%	0.00	0.00

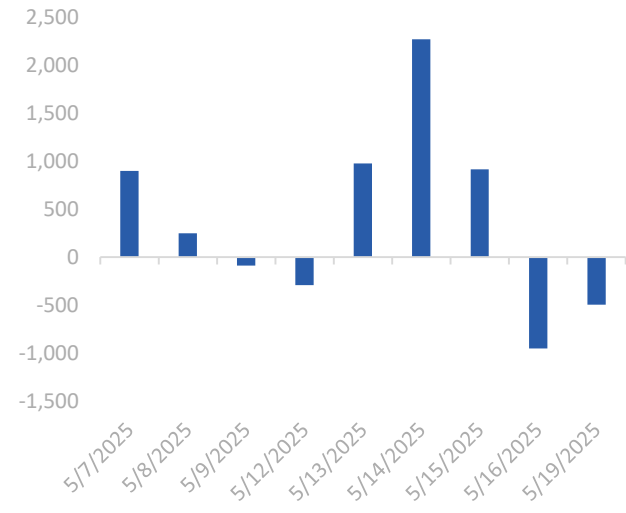
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVN	4.60	-9.80%	-0.04	0.35
SDN	23.20	-9.73%	-0.03	0.00
SDU	19.50	-9.72%	-0.14	0.00
TKU	14.90	-9.70%	-0.26	0.00
VNT	25.30	-8.99%	-0.14	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	63.7	-0.2%	1.4	94,356	545.0	2,981	21.4		47.7%	
KBC	Bất động sản	26.8	3.5%	1.3	19,843	392.9	1,629	15.9		16.5%	
KDH	Bất động sản	29.0	0.9%	1.3	29,020	59.7	896	32.0		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.7	1.2%	1.6	14,969	112.7	180	91.5	23,600	11.4%	Link
VHM	Bất động sản	58.8	1.4%	0.9	238,230	1140.3	7,766	7.5	58,200	12.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.2	-2.3%	0.8	179,241	1308.5	5,617	21.5	163,000	41.6%	Link
BSR	Dầu khí	17.5	-1.7%	0.0	55,034	38.8	(37)	-482.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.1	-1.5%	1.4	13,144	68.7	2,303	11.9	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.7	-2.8%	1.4	19,007	301.5	1,394	18.9		40.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	-1.5%	1.2	46,496	463.7	1,546	15.3		35.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.7	-2.3%	1.4	26,965	305.5	1,602	23.4		30.6%	
DCM	Hóa chất	33.3	-0.8%	1.4	17,735	65.2	2,805	11.9	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	89.5	-2.6%	1.5	34,902	244.9	8,224	11.2	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.4	-0.2%	0.9	113,676	546.2	3,708	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.2	-1.1%	1.0	256,982	99.5	3,643	10.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.1	0.3%	1.2	209,430	285.1	4,806	8.1	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	0.2%	1.1	76,717	433.4	3,985	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.6	-0.2%	1.0	150,421	635.5	4,049	6.1	28,200	23.0%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	-0.9%	1.1	30,550	77.2	2,150	5.5	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	39.0	-2.0%	1.0	75,032	743.8	5,767	6.9		20.7%	
TCB	Ngân hàng	29.5	0.2%	1.1	208,060	653.8	3,013	9.8	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.5	-1.1%	1.1	35,931	125.1	2,383	5.7	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.0	-0.9%	0.9	480,451	285.7	4,063	14.2		22.3%	
VIB	Ngân hàng	18.0	-1.6%	1.0	54,518	133.8	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	0.8%	0.9	143,207	1193.6	2,030	8.9	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	-0.6%	1.3	165,023	415.4	1,954	13.2	37,500	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	-1.2%	1.5	10,215	148.9	749	22.0	16,800	7.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.3	-4.2%	1.5	9,538	491.8	3,930	7.3	32,200	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.0	-0.8%	1.3	89,897	611.7	1,518	41.2		24.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.0	-0.4%	0.7	117,455	167.3	4,194	13.4		48.7%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.1	-1.93%	1.5	7,386	35.5	2,098	16.1	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	168.0	-2.21%	1.0	23,406	113.4	3,279	52.4	32.6%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	48.3	0.00%	1.2	35,817	16.4	2,975	16.2	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	16.0	1.59%	1.6	9,605	241.5	321	49.0	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.3	-1.81%	1.6	14,413	273.5	372	44.5	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.2	-0.64%	1.4	4,165	55.6	436	53.6	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.6	-0.20%	1.4	8,291	37.0	839	29.4	19.7%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.0	-2.38%	1.4	13,860	59.0	4,982	8.4	16.9%	31.2%	
NLG	Bất động sản	34.0	0.15%	1.5	13,073	89.0	1,827	18.6	41.8%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.7	-3.24%	0.0	14,295	42.3	6,076	11.2	4.6%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.0	-1.93%	1.2	6,048	62.0	2,036	16.5	2.1%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.0	-0.83%	1.4	12,128	150.2	1,279	14.2	10.3%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	85.6	7.00%	1.0	305,893	774.8	2,823	28.3	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.8	1.02%	0.9	55,672	247.3	1,844	13.3	19.5%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.2	-2.43%	1.3	7,406	43.1	1,654	21.2	36.5%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.1	-1.82%	1.1	45,424	37.0	1,535	23.3	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.5	-1.34%	1.3	10,395	78.4	1,246	15.0	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.2	-2.90%	1.5	12,182	125.5	1,650	21.9	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.3	-0.73%	1.6	15,752	89.7	1,650	16.7	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.7	-1.78%	1.1	144,777	35.5	4,543	13.6	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	0.00%	1.3	30,210	181.8	606	21.3	3.8%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.6	-0.56%	0.8	33,442	43.8	4,511	15.7	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.0	-2.22%	0.7	48,745	63.0	2,783	32.3	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.7	1.02%	1.4	26,485	483.5	1,954	15.0	9.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	1.11%	1.2	22,648	200.7	3,797	14.2	39.9%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.9	-0.30%	1.2	8,586	39.5	5,594	11.8	12.3%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.0	-0.23%	1.2	7,832	40.2	3,026	7.3	10.7%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.5	-3.00%	0.0	14,626	83.2	3,235	37.1	6.6%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	81.6	0.74%	1.2	27,370	78.8	6,105	13.3	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.0	-2.12%	1.0	3,117	49.9	2,869	10.7	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.0	-0.58%	1.6	2,096	7.6	2,580	6.6	16.5%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.6	-0.74%	1.2	13,247	68.5	1,223	27.7	9.1%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.2	-1.81%	1.4	110,800	95.8	1,174	23.6	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.4	-0.51%	1.1	36,230	283.9	1,856	10.5	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.7	-3.82%	0.5	109,036	183.6	3,333	11.0	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.0	0.00%	0.0	23,333	18.4	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.8	-0.46%	1.0	26,754	23.1	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.6	-1.95%	1.5	5,751	82.8	1,122	11.5	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.7	-2.65%	1.5	4,020	9.9	612	24.7	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.5	-0.14%	0.7	10,504	122.6	1,438	24.0	2.5%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.7	-1.58%	0.7	64,769	42.9	3,217	15.7	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	52.2	-1.14%	1.3	11,851	48.2	5,601	9.4	22.9%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.0	0.32%	0.9	12,017	29.1	13,288	11.1	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.2	0.25%	1.5	8,094	91.1	3,238	25.0	48.2%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	95.3	-2.76%	1.3	11,210	56.7	4,754	20.6	8.7%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	55.8	1.64%	1.6	3,459	64.3	3,738	14.7	8.1%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-0.41%	1.4	5,780	94.0	1,100	11.1	8.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	0.22%	1.2	8,029	23.8	1,217	18.5	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	0.23%	1.3	13,079	232.3	988	22.1	6.4%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.5	-1.41%	1.4	20,669	23.3	2,720	17.0	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>